

Số: 01 /QĐ-VP

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 (bổ sung lần 2)
của Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-SHTT ngày 01/04/2025 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng;

Căn cứ Quyết định số 1020/QĐ-SHTT ngày 31/12/2024 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị thuộc Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Quyết định 582/QĐ-SHTT ngày 31/8/2025 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ về việc điều chỉnh giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ và Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-SHTT ngày 01/9/2025 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho nhiệm vụ xây dựng Dự án Luật;

Căn cứ Quyết định số 675/QĐ-SHTT ngày 28/10/2025 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ về việc giao bổ sung nhiệm vụ, dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 nhiệm vụ “Mua sắm vật tư văn phòng phẩm phục vụ công tác xử lý đơn” và bổ sung Quỹ tiền thưởng cho Văn phòng Cục;

Xét đề nghị của Bộ phận Tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 (bổ sung lần 2) của Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ (theo mẫu biểu số 02 đính kèm.)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài vụ và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng;
- Phòng Kế hoạch – Tài chính;
- Lưu: VT, TV(3).

CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Văn Hiệp



Đơn vị: Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ
Chương: 017

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-VP ngày 06 /01/2026 của Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao tại Quyết định số 1020/QĐ-SHTT ngày 31/12/2024, 582/QĐ-SHTT ngày 31/8/2025, 583/QĐ-SHTT ngày 01/9/2025; 675/QĐ-SHTT ngày 28/10/2025
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	378.495
1	Lệ phí	23.724
2	Phí	354.771
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	117.399
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	113.835
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.564
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	273.185
1	Lệ phí	23.724
2	Phí	249.461
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.957
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.957
1	Chi quản lý hành chính	1.957
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.947
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	10
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	



[Handwritten signature]

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao tại Quyết định số 1020/QĐ-SHTT ngày 31/12/2024, 582/QĐ-SHTT ngày 31/8/2025, 583/QĐ-SHTT ngày 01/9/2025; 675/QĐ-SHTT ngày 28/10/2025
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT - BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/ Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	378.495	432.294	114%	119%
1	Lệ phí sở hữu công nghiệp	23.724	22.988	97%	111%
1.1	Lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp		6.705		
1.2	Lệ phí cấp Văn bằng bảo hộ, cấp giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp		8.682		
1.3	Lệ phí duy trì, gia hạn, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp		7.564		
1.4	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, công bố, đăng bạ đại diện sở hữu công nghiệp		37		
1.5	Lệ phí khác				
2	Phí sở hữu công nghiệp	354.771	409.306	115%	120%
2.1	Phí thẩm định về sở hữu công nghiệp		146.141		
2.2	Phí giải quyết yêu cầu phản đối đơn về sở hữu công nghiệp		1.231		
2.3	Phí tra cứu thông tin về sở hữu công nghiệp		42.771		
2.4	Phí công bố, đăng bạ thông tin sở hữu công nghiệp		35.413		
2.5	Phí sử dụng Văn bằng bảo hộ		75.303		
2.6	Phí thẩm định đăng ký quốc tế về sở hữu công nghiệp		108.447		
2.7	Phí khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp...				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/ Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước
2	Chi quản lý hành chính	117.399	117.399	100%	117%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	113.835	113.835		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.564	3.564		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	273.185	227.641	83%	119%
1	Lệ phí sở hữu công nghiệp	23.724	22.988	97%	111%
1.1	Lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp		6.705		
1.2	Lệ phí cấp Văn bằng bảo hộ, cấp giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp		8.682		
1.3	Lệ phí duy trì, gia hạn, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp		7.564		
1.4	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, công bố, đăng bạ đại diện sở hữu công nghiệp		37		
1.5	Lệ phí khác				
2	Phí sở hữu công nghiệp	249.461	204.653	82%	120%
2.1	Phí thẩm định về sở hữu công nghiệp		73.071		
2.2	Phí giải quyết yêu cầu phản đối đơn về sở hữu công nghiệp		616		
2.3	Phí tra cứu thông tin về sở hữu công nghiệp		21.386		
2.4	Phí công bố, đăng bạ thông tin sở hữu công nghiệp		17.707		
2.5	Phí sử dụng Văn bằng bảo hộ		37.652		
2.6	Phí thẩm định đăng ký quốc tế về sở hữu công nghiệp		54.224		
2.7	Phí khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.957	1.675	86%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.957	1.675		
1	Chi quản lý hành chính	1.957	1.675		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.947	1.665		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	10	10		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/ Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Người lập



Nguyễn Thị Châm

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Trần Văn Hiệp

